

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC MIỀN NAM

Số: 3156/QĐ-EVN-SPC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Hồ sơ mời thầu (E-HSMT)
**Gói 31: Mua sắm Dây cáp điện các loại cho các Tỉnh miền Tây 16
thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán Mua sắm tập trung VTTB
trung và hạ thế Đợt 1 - năm 2026 của Tổng công ty Điện lực miền Nam
(Dây dẫn)**

TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài Chính về việc Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 40/QĐ-HĐTV ngày 19/4/2024 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc ban hành quy định phân cấp mua sắm VTTB và lập kế hoạch mua sắm VTTB trong EVN-SPC;

Căn cứ Quyết định số 95/QĐ-HĐTV ngày 01/6/2025 của Hội đồng thành viên về việc Ban hành Quy chế phân cấp quản lý giữa Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc trong Tổng công ty Điện lực miền Nam;

Căn cứ Quyết định số 3287/QĐ-EVN-SPC ngày 28/11/2024 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về phân công nhiệm vụ, công tác của Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Điện lực miền Nam;

Căn cứ Quyết định số 959/QĐ-EVN-SPC ngày 27/3/2025 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc sửa đổi, bổ sung Phân công nhiệm vụ, công tác của Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Điện lực miền Nam;

Căn cứ Công văn số 6473/EVN-SPC-QLĐT ngày 02/7/2025 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc phổ biến Văn bản số 4259/EVN-QLĐT hướng dẫn thực hiện công tác đấu thầu từ 01/7/2025;

Căn cứ Quyết định số 2685/QĐ-EVN-SPC ngày 04/09/2025 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc thành lập Bên mời thầu cho các gói thầu thuộc lĩnh vực: Kinh tế, tài chính; Lao động tiền lương; Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; Y tế;

Văn phòng; Đầu tư xây dựng các dự án/công trình nguồn điện, lưới điện trung hạ thế; Đấu thầu mua sắm tập trung phần lưới trung hạ thế cho các đơn vị;

Căn cứ Quyết định số 2972/QĐ-EVNSPC ngày 07/10/2025 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc phê duyệt Kế hoạch mua sắm VTTB trung và hạ thế Đợt 1 - năm 2026 của Tổng công ty Điện lực miền Nam (Dây dẫn);

Căn cứ Quyết định số 257/QĐ-HĐTV ngày 15/10/2025 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc phê duyệt Dự toán Mua sắm tập trung VTTB trung và hạ thế Đợt 1 - năm 2026 của Tổng công ty Điện lực miền Nam (Dây dẫn);

Căn cứ Quyết định số 264/QĐ-HĐTV ngày 19/10/2025 của Hội đồng Thành viên Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự toán dự toán Mua sắm tập trung VTTB trung và hạ thế Đợt 1 - năm 2026 của Tổng công ty Điện lực miền Nam (Dây dẫn);

Căn cứ Quyết định số 3079/QĐ-EVNSPC ngày 19/10/2025 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc phê duyệt dự toán các gói thầu Mua sắm tập trung VTTB trung và hạ thế Đợt 1 - năm 2026 của Tổng công ty Điện lực miền Nam (Dây dẫn);

Quyết định số 3059/QĐ-EVNSPC ngày 16/10/2025 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc thành lập tổ chuyên gia xét chọn nhà thầu cho các gói thầu thuộc dự toán mua sắm tập trung VTTB trung và hạ thế Đợt 1 - năm 2026 của Tổng công ty Điện lực miền Nam (Dây dẫn);

Căn cứ Dự thảo E-HSMT Gói 31: Mua sắm Dây cáp điện các loại cho các Tỉnh miền Tây 16 thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán Mua sắm tập trung VTTB trung và hạ thế Đợt 1 - năm 2026 của Tổng công ty Điện lực miền Nam (Dây dẫn);

Căn cứ Tờ trình số 1854/VT ngày 22/10/2025 của Tổ chuyên gia/Bên mời thầu về việc đề nghị phê duyệt E-HSMT Gói 31: Mua sắm Dây cáp điện các loại cho các Tỉnh miền Tây 16 thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán Mua sắm tập trung VTTB trung và hạ thế Đợt 1 - năm 2026 của Tổng công ty Điện lực miền Nam (Dây dẫn);

Căn cứ Báo cáo số 1434/QLĐT ngày 23/10/2025 của Bộ phận thẩm định - Ban Quản lý đấu thầu về việc thẩm định E-HSMT Gói 31: Mua sắm Dây cáp điện các loại cho các Tỉnh miền Tây 16 thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán Mua sắm tập trung VTTB trung và hạ thế Đợt 1 - năm 2026 của Tổng công ty Điện lực miền Nam (Dây dẫn);

Theo đề nghị của Trưởng Ban Quản lý đấu thầu Tổng công ty Điện lực miền Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Hồ sơ mời thầu (E-HSMT) Gói 31: Mua sắm Dây cáp điện các loại cho các Tỉnh miền Tây 16 thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán Mua sắm tập trung VTTB trung và hạ thế Đợt 1 - năm 2026 của Tổng công ty Điện lực miền Nam (Dây dẫn) với nội dung theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Giao Ban Vật tư chịu trách nhiệm thực hiện các bước tiếp theo của quy trình đấu thầu.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trưởng các Ban: Vật tư, Quản lý đấu thầu, Kỹ thuật, Tài chính kế toán, Pháp chế thuộc Tổng công ty Điện lực miền Nam căn cứ chức năng, nhiệm vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TGD;
- Ban VT (01 bản giấy để đăng tải lên HTMĐTQG);
- Lưu: VT, QLĐT. QT (01).

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Hứa Thanh Nhân

Phụ lục
NỘI DUNG HỒ SƠ MỜI THẦU (E-HSMT)

Gói 31: Mua sắm Dây cáp điện các loại cho các Tỉnh miền Tây 16 thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm tập trung VTTB trung và hạ thế đợt 1 - năm 2026 của Tổng công ty Điện lực miền Nam (Dây dẫn)

1. Tài liệu mẫu để chuẩn bị hồ sơ mời thầu (E-HSMT)

- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;
- Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài Chính về việc Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;
- Mẫu số 4A Hồ sơ mời thầu (E-HSMT) mua sắm hàng hóa qua mạng một giai đoạn một túi hồ sơ, ban hành theo Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài Chính về việc Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

2. Phương thức đấu thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.

3. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi (qua mạng, trong nước).

4. Giá gói thầu: 60.973.706.090 VNĐ (đã bao gồm thuế GTGT – theo Quyết định số 3079/QĐ-EVNSPC ngày 19/10/2025).

5. Loại hợp đồng: Đơn giá cố định (ký thỏa thuận khung).

6. Thời gian thực hiện gói thầu: 12 tháng.

7. Ngôn ngữ:

- Hồ sơ mời thầu (E-HSMT): Tiếng Việt.
- Hồ sơ dự thầu (E-HSDT): Tiếng Việt; Các tài liệu và tư liệu bổ trợ có thể được viết bằng tiếng Anh và tiếng Việt.
- Hợp đồng: Tiếng Việt.

8. Hiệu lực E-HSDT: ≥ 90 ngày kể từ ngày đóng thầu.

9. Bảo đảm dự thầu: 1.820.000.000 VNĐ, có hiệu lực ≥ 120 ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

10. Phạm vi cung cấp của gói thầu: chi tiết theo E-HSMT.

- Tùy chọn mua thêm: 30% số lượng theo hạng mục tương ứng.

11. Thời gian giao hàng: trong vòng 6 tuần (42 ngày) kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng.

12. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán: đồng Việt Nam.

13. Tài liệu chứng minh về tính hợp lệ của hàng hóa:

- Bảng liệt kê chi tiết danh mục hàng hóa phù hợp với yêu cầu về phạm vi cung cấp trong E-HSMT.

- Giấy phép bán hàng, giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương.
- Tài liệu kỹ thuật như: tiêu chuẩn hàng hóa, tính năng, thông số kỹ thuật, bảo hành, catalogue, bản vẽ,... của từng loại hàng hóa.
- Chứng chỉ ISO 9001 của nhà sản xuất hoặc chứng chỉ tương đương.
- Biên bản thử nghiệm điển hình/thử nghiệm mẫu do phòng thử nghiệm quy định trong phần đặc tính kỹ thuật ban hành.
- Nhà thầu phải xuất trình tài liệu chứng minh hàng hoá cung cấp từ nhà sản xuất có ít nhất 05 năm kinh nghiệm sản xuất các mặt hàng tương tự.
- Nhà thầu phải xuất trình tài liệu để chứng minh hàng hoá cung cấp đã được vận hành thương mại thỏa mãn yêu cầu khách hàng sử dụng cuối cùng tối thiểu là 03 năm tính đến ngày mở thầu. (Quy định tại Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT).
- Nhà thầu phải xuất trình tài liệu chứng minh có dây chuyền sản xuất đáp ứng yêu cầu chế tạo theo quy định tại Chương III và yêu cầu kỹ thuật chi tiết tại Chương V (đối với các chủng loại: cáp bọc chống thấm 24kV và cáp ngầm 24kV).
- Báo cáo kiểm toán độc lập hoặc tài liệu của Bộ Công Thương,... chứng minh chi phí sản xuất trong nước từ 30% trở lên trong giá hàng hóa (nếu có).
 - + Nhà thầu chỉ được hưởng ưu đãi khi cung cấp hàng hóa mà hàng hóa đó có chi phí sản xuất trong nước chiếm tỷ lệ từ 30% trở lên.
 - + Trường hợp nhà thầu không kê khai thì hàng hóa của nhà thầu được coi là không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi.
 - + Trường hợp các nhà thầu chào hàng hóa có cùng ký mã hiệu (nếu có), hãng sản xuất, năm sản xuất, xuất xứ Việt Nam nhưng có nhà thầu kê khai, có nhà thầu không kê khai hàng hóa này thuộc đối tượng ưu đãi thì chủ đầu tư quyết định cho các nhà thầu không kê khai ưu đãi được làm rõ để có cơ sở đánh giá ưu đãi đối với các hàng hóa này.

Ghi chú: Do chưa xác định rõ ràng được mức thuế suất giá trị gia tăng cụ thể trong giai đoạn trong giai đoạn lựa chọn nhà thầu, Bên mời thầu tạm xác định mức thuế suất GTGT là 10%, nhà thầu được yêu cầu tính toán giá hàng hóa, dịch vụ chưa thuế GTGT và chào thầu với mức thuế suất GTGT 10%. Bên mời thầu sẽ tính toán đơn giá hàng hóa, dịch vụ chưa thuế GTGT tương ứng với mức thuế suất 10% để làm cơ sở đánh giá thầu.

14. Tiêu chuẩn đánh giá kinh nghiệm và năng lực nhà thầu: Sử dụng tiêu chí “đạt” và “không đạt”

14.1 Đối với nhà thầu không phải là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu:

- Lịch sử không hoàn thành hợp đồng: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có từ 02 hợp đồng trở lên (cung cấp hàng hóa, EPC, EP, EC, chìa khóa trao tay) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu.

- Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.

- Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản – Tổng nợ).

- Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế GTGT) của **03 năm** tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là: **83.150.000.000 VNĐ**.

- Kinh nghiệm cụ thể trong thực hiện hợp đồng tương tự: Nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu. Trong đó hợp đồng tương tự là:

+ Có tính chất tương tự: theo 02 tiêu chí sau:

(i) Tiêu chí 1: Hợp đồng cung cấp hàng hóa thuộc lĩnh vực thiết bị điện.

(ii) Tiêu chí 2: 01 Hợp đồng cung cấp hàng hóa có mã HS 8544 với giá trị tối thiểu là **18.921.596.485 VNĐ** và 01 hợp đồng cung cấp hàng hóa có mã HS 7614 với giá trị tối thiểu là **3.831.370.180 VNĐ**.

+ Có quy mô (giá trị) tối thiểu: **22.752.966.665 VNĐ**.

- Khả năng bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác: Nhà thầu phải chứng minh khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng bằng một trong các cách sau đây:

+ Nhà thầu cam kết có năng lực tự thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT.

+ Nhà thầu ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT.

14.2 Đối với nhà thầu là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu:

- Lịch sử không hoàn thành hợp đồng: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có từ 02 hợp đồng trở lên (cung cấp hàng hóa, EPC, EP, EC, chìa khóa trao tay) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu.

- Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.

- Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản – Tổng nợ).

- Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế GTGT) của **03 năm** tài

chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là: **83.150.000.000 VND.**

- Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh năng lực sản xuất hàng hóa thuộc gói thầu đáp ứng yêu cầu theo một trong hai cách sau đây:

+ Công suất thiết kế của cửa nhà máy, dây chuyền sản xuất hoặc Sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng trong vòng 5 năm gần nhất so với thời điểm đóng thầu đạt tối thiểu:

- Cáp bọc (Mã HS 8544): 40.406 mét/tháng.
- Cáp trần (Mã HS 7614): 8.320 kg.

Hoặc:

+ Công suất thiết kế của cửa nhà máy, dây chuyền sản xuất hoặc Sản lượng sản xuất cao nhất của 01 năm trong vòng 5 năm gần nhất so với thời điểm đóng thầu đạt tối thiểu:

- Cáp bọc (Mã HS 8544): 491.603 mét/năm.
- Cáp trần (Mã HS 7614): 101.232 kg.

- Khả năng bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác: Nhà thầu phải chứng minh khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng bằng một trong các cách sau đây:

+ Nhà thầu cam kết có năng lực tự thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT.

+ Nhà thầu ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT.

15. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật:

Áp dụng phương pháp đánh giá theo tiêu chí “đạt” và “không đạt”.

16. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính: Phương pháp giá thấp nhất.

17. Bảo đảm thực hiện hợp đồng:

– Giá trị đảm bảo hợp đồng: 10 % giá hợp đồng.

18. Bảo lãnh bảo hành:

– Trong vòng **15 ngày** kể từ ngày hàng hóa được nghiệm thu đưa vào sử dụng và được Bên mua chấp nhận, để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo hành, Bên bán phải giao cho Bên mua bảo lãnh bảo hành. Bảo lãnh này sẽ được giải tỏa trong vòng **28 ngày** sau khi hết thời gian bảo hành và Bên bán hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, sửa chữa các sai sót theo yêu cầu. Bảo lãnh bảo hành mà Bên bán gửi Bên mua phải là bảo lãnh không hủy ngang, vô điều kiện do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và có giá trị bằng **05%** giá trị hợp đồng.

– Thời gian bảo hành: 18 tháng kể từ ngày đưa thiết bị vào vận hành nhưng không quá 24 tháng kể từ hàng hóa được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.

Trường hợp sửa chữa, thay thế Hàng hóa trong thời gian bảo hành thì thời gian bảo hành cho thiết bị được sửa chữa hoặc thay thế sẽ được tính là 18 tháng kể từ ngày đưa thiết bị vào vận hành nhưng không quá 24 tháng kể từ hàng hóa được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng, Bên bán phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh bảo hành này tương ứng với thời gian bảo hành mới. Toàn bộ chi phí liên quan đến việc sửa chữa thay thế do Bên bán chịu.

– Trường hợp sửa chữa, thay thế hàng hóa, giai đoạn bảo hành tương ứng của hàng hóa thiết bị đó sẽ được kéo dài thêm khoảng thời gian phù hợp quy định tại Yêu cầu về kỹ thuật và Phạm vi công việc và Tiến độ thực hiện hợp đồng kể từ ngày việc sửa chữa và thay thế đó được Bên mua chấp nhận.

– Nếu các sai sót về mặt kỹ thuật hay hư hỏng xảy ra trong thời gian bảo hành mà nguyên nhân xác định được do lỗi của Bên bán thì Bên bán hoàn toàn chịu trách nhiệm xử lý sửa chữa, thay thế kịp thời bằng mọi chi phí của Bên bán theo thời gian yêu cầu của Bên mua. Trước khi tiến hành sửa chữa, Bên bán phải gửi kế hoạch và nguyên nhân để Bên mua phối hợp thực hiện. Trường hợp quá thời gian quy định theo yêu cầu, Bên bán cố tình trì hoãn sửa chữa thì Bên mua có quyền thuê các tổ chức khác thực hiện và Bên bán phải chịu mọi chi phí liên quan này. Thời gian sửa chữa các sai sót trong giai đoạn bảo hành là 28 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên mua.

– Tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà Bên bán chưa khắc phục hoàn toàn các tồn tại nêu trên thì Bên bán phải gia hạn thời hạn bảo lãnh với toàn bộ giá trị của bảo lãnh bảo hành phù hợp với thời gian hai bên đã thống nhất khắc phục các tồn tại và nộp cho Bên mua trước thời điểm hết hiệu lực của bảo lãnh bảo hành tối thiểu 21 ngày. Trong trường hợp tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà Bên bán không gia hạn bảo lãnh thì Bên mua có quyền tịch thu bảo lãnh.

19. Tạm ứng:

– Tạm ứng: **30%** trị giá hàng hóa (chưa thuế GTGT) theo đơn đặt hàng của từng đợt trong quá trình thực hiện hợp đồng.

– Mẫu Bảo lãnh tiền tạm ứng của Bên bán cho đơn đặt hàng của từng đợt theo mẫu số 19 E-HSMT và có hiệu lực đến hết 28 ngày sau thời gian giao hàng cuối cùng của từng đơn đặt hàng nêu trên (bao gồm thời hạn được phép giao hàng trễ).

– Bảo lãnh tạm ứng phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với số tiền tương đương số tiền tạm ứng.

20. Thanh toán:

- Thanh toán theo đơn đặt hàng của từng đợt.
- Thanh toán bằng đồng Việt Nam theo hình thức chuyển khoản.
- Các hồ sơ thanh toán gồm một (01) bản gốc và bốn (04) bản sao y bản chính của Bên bán và đóng dấu giáp lai. Riêng các chứng từ liên quan đến bảo lãnh hợp đồng và bảo hành sản phẩm phải do Ngân hàng phát hành sao y hoặc sao y bản chính.

– Số lần thanh toán: theo số lần gửi đơn đặt hàng trong quá trình thực hiện hợp đồng.

– Hồ sơ thanh toán theo đơn đặt hàng của từng đợt cụ thể:

a) 30% giá trị hàng hóa (chưa thuế GTGT) theo đơn đặt hàng của từng đợt trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được ứng trước trong vòng 15 ngày (thời điểm thực hiện tạm ứng vào thời điểm năm 2026) kể từ khi Bên mua nhận được các tài liệu sau:

(i) Văn bản yêu cầu thanh toán của Bên bán;

(ii) Bảo lãnh tiền tạm ứng của Bên bán cho đơn đặt hàng của từng đợt. Bảo lãnh tạm ứng phải được sao y bởi Ngân hàng phát hành hoặc sao y bản chính;

(iii) Bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

(b) 60% của trị giá hàng hóa nhận được theo đơn đặt hàng và 100% thuế GTGT của đơn đặt hàng hóa đó sẽ được thanh toán trong vòng 15 ngày (thời điểm thực hiện thanh toán vào thời điểm năm 2026) kể từ khi Bên mua nhận được các tài liệu sau:

(i) Văn bản yêu cầu thanh toán của Bên bán;

(ii) Hoá đơn hợp pháp theo quy định của Bộ Tài Chính do Bên bán lập khi giao hàng;

(iii) Bảng kê đóng gói;

(iv) Chứng nhận bảo hiểm;

(v) Bản chính hoặc Bản sao y bản chính Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa C/O (đối với hàng ngoại nhập) do Phòng Công nghiệp hoặc Thương mại của nước xuất khẩu ban hành của hàng ngoại nhập nêu trong bảng giá của hợp đồng trong đó có ghi rõ danh mục thiết bị và tên nhà sản xuất;

(vi) Biên bản thử nghiệm xuất xưởng do nhà sản xuất ban hành có trong đó có ghi rõ tên hàng hóa, mã hiệu hàng hóa [Chỉ áp dụng trong trường hợp hàng hóa có mã hiệu] và số serial [Chỉ áp dụng trong trường hợp hàng hóa có số serial] của thiết bị;

(vii) Chứng nhận số lượng và chất lượng của nhà sản xuất;

(viii) Kết quả kiểm tra chất lượng do một đơn vị thử nghiệm độc lập ban hành theo các chỉ tiêu thử nghiệm được mô tả trong phần đặc tính kỹ thuật (nếu có) cho lô hàng/mẫu thử;

(ix) Biên bản nghiệm thu về số lượng và chất lượng của hàng hóa giữa Bên mua và Bên bán tại địa điểm giao hàng.

(c) 10% giá trị còn lại của đơn đặt hàng theo từng đợt (không có thuế GTGT) sẽ được thanh toán trong vòng 15 ngày (thời điểm thực hiện thanh toán vào thời điểm năm 2026) kể từ khi Bên mua nhận được chứng từ sau:

(i) Văn bản yêu cầu thanh toán của Bên bán.

(ii) Bản gốc Bảo lãnh bảo hành bằng 5% giá trị của đơn đặt hàng theo từng đợt;

(iii) Văn bản chấp nhận do Chủ dự án phát hành theo đơn đặt hàng của từng đợt.

21. Các quy định về thuế:

– Điều chỉnh thuế: Được phép

– Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu

chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.

22. Phạt vì phạm hợp đồng (giao hàng trễ) và bồi thường thiệt hại:

22.1 Phạt vì phạm hợp đồng:

– Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 25 E-ĐKC, nếu Nhà thầu không thể giao hàng hay cung cấp các dịch vụ liên quan theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với: 1%/ tuần cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến 5%. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm Thỏa thuận khung theo quy định tại Mục 27 E-ĐKC.

22.2 Bồi thường thiệt hại:

– Trường hợp hàng hóa không đảm bảo tiến độ hoặc chất lượng như cam kết gây thiệt hại cho chủ đầu tư, chủ đầu tư sẽ xem xét và yêu cầu nhà thầu bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế do lỗi của nhà thầu gây ra.

– Trường hợp hàng hoá không đảm bảo chất lượng như đã cam kết, Bên mua có quyền từ chối nhận hàng hoá.

23. Giải quyết tranh chấp:

– Bên bán và Bên mua có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

– Nếu qua thương lượng, hai bên không giải quyết được thì thống nhất đưa lên Tòa án có thẩm quyền có trụ sở tại khu vực Tổng công ty Điện lực miền Nam để giải quyết. Quyết định của Tòa án có giá trị bắt buộc cho cả hai bên. Chi phí cho việc giải quyết tranh chấp do Bên thua chịu.